TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1115/2019/DS-ST.
Ngày: 09-07-2019.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước,

2. Bà Nguyễn Kim Yến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 07 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1399/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **H.Đ.X.**, sinh năm 1959,

Địa chỉ: Nguyễn Xí, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **L.K.H.**,

Địa chỉ:Đường Trục, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **P.T.H.**, sinh năm 1964,

Địa chỉ: Nguyễn Xí, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của bà P.T.H.: Ông H.Đ.X., sinh năm 1959, địa chỉ: Nguyễn Xí, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng

ủy quyền lập ngày 01/8/2017 tại Phòng công chứng Lê Thị Phương Liên, số công chứng 011607 quyển số 08/TP/CC-SCC/HĐGD).

3.2. Bà **N.T.T.**(Vắng mặt),

Địa chỉ:Đường Trục, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông H.Đ.X. trình bày:*

Tháng 12/2016, vợ chồng ông có cho ông L.K.H. vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); và tháng 02/2017, vợ chồng ông tiếp tục cho ông L.K.H. vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Vợ chồng ông cho ông L.K.H. vay tổng cộng là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) nhưng không làm giấy giao nhận tiền. Đến ngày 04/04/2017, ông L.K.H. có viết và ký giấy hẹn trả lại tiền cho vợ chồng ông 35.000.000 đồng; và ngày 31/05/2017, ông L.K.H. có ký Giấy biên nhận nợ tiền để hẹn lại việc trả nợ. Tại Giấy biên nhận nợ tiền ngày 31/05/2017, ông L.K.H. hứa sẽ trả lãi chậm trả trên số tiền chậm thanh toán và thời gian thanh toán với mức lãi suất là 3%/tháng. Tuy nhiên, ông L.K.H. không trả nợ mặc dù ông đã nhiều lần nhắc nhở.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2017, nguyên đơn H.Đ.X. khởi kiện yêu cầu ông L.K.H. phải trả số tiền còn thiếu là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Tại Đơn kiện bổ sung đề ngày 19/3/2018, Đơn kiện bổ sung đề ngày 08/5/2018 và Biên bản xác định yêu cầu khởi kiện ngày 08/5/2018, nguyên đơn H.Đ.X. yêu cầu ông L.K.H. và bà Nguyễn Thị Thủy, vợ ông L.K.H., liên đới trả số tiền còn thiếu tổng cộng là 45.500.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó: Tiền gốc là 35.000.000 đồng, và tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng kể từ ngày 18/4/2018.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông L.K.H. đã trả tổng cộng là 20.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 17/04/2018, trả 3.000.000 đồng; Ngày 16/5/2018, trả 4.000.000 đồng; Ngày 15/10/2018, trả 10.000.000 đồng; Ngày 16/01/2019, trả 3.000.000 đồng. Vì vậy, tại Đơn xác nhận yêu cầu khởi kiện đề ngày 11/3/2019, nguyên đơn ông H.Đ.X. yêu cầu ông L.K.H. và vợ là bà N.T.T.có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu tổng cộng tạm tính đến ngày 16/03/2019 là 24.976.000 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), trong đó tiền gốc còn thiếu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/03/2019 là 9.976.000 đồng (Lãi suất theo từng thời kỳ: Từ 31/05/2017-17/4/2018, lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền gốc 35.000.000 đồng; 18/4/2018-16/5/2018, lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền gốc 32.000.000 đồng; 17/5/2018-15/10/2018, lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền gốc 28.000.000 đồng;

16/10/2018-16/01/2019, lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền gốc 18.000.000 đồng; 16/01/2019-16/3/2019, lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền gốc 15.000.000 đồng).

** Bị đơn ông L.K.H. trình bày:*

Bị đơn ông L.K.H. đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 14/11/2018, 28/11/2018, 24/4/2019 và 15/5/2019 nhưng ông L.K.H. không đến làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn L.K.H..

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.T.trình bày:*

Trong thời gian 2017, chồng bà tên L.K.H. có làm ăn và mượn tiền của ông H.Đ.X. nhưng chỉ để làm ăn riêng, không đóng góp vào chi phí sinh hoạt của gia đình. Bà không biết việc làm ăn và nợ tiền của ông L.K.H. như thế nào. Công việc của ông L.K.H. mang tính chất không ổn định nên thu nhập của ông L.K.H. chỉ để phục vụ cho bản thân; thu nhập của bà chỉ đủ đảm bảo cho việc trang trải cuộc sống gia đình hàng tháng với hai con đang đi học. Đồng thời, bà cũng không biết ông H.Đ.X. là ai và ở đâu, ông H.Đ.X. cũng chưa từng gặp bà để yêu cầu trả khoản nợ này. Bà chỉ biết sự việc khi nhận được giấy triệu tập của Tòa án. Bà đề nghị Tòa án xem xét: Bà không liên đới gì với ông L.K.H. trong vụ việc này.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn ông H.Đ.X. khởi kiện ông L.K.H., cư trú tại quận Bình Thạnh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng theo quy định để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung, tại phiên tòa, nguyên đơn ông H.Đ.X. có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà N.T.T.đối với khoản nợ cùng ông L.K.H. và không yêu cầu ông L.K.H. phải trả tiền lãi trên số tiền còn thiếu cho đến khi thanh toán xong, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.Đ.X. về trách nhiệm liên đới vợ chồng đối với bà N.T.T.và trách nhiệm của ông L.K.H. trả tiền lãi trên số tiền còn thiếu; chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn ông H.Đ.X. yêu cầu ông L.K.H. phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu là 15.000.000 đồng; bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn ông H.Đ.X. khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông L.K.H., cư trú tại Đường Trục, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 13, quận Bình Thạnh, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông L.K.H. và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.T.đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy ông L.K.H. vắng mặt tại phiên tòa được triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông L.K.H. và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thủy.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H.Đ.X. tiếp tục yêu cầu ông L.K.H. phải trả ngay làm một lần cho vợ chồng ông số tiền còn thiếu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và nguyên đơn ông H.Đ.X. rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông H.Đ.X. không yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của vợ chồng đối với bà N.T.T.về khoản nợ mà ông yêu cầu ông L.K.H. trả và không yêu cầu bị đơn ông L.K.H. trả tiền lãi trên số tiền còn thiếu cho đến khi thanh toán xong.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến trách nhiệm liên đới trả nợ đối với bà N.T.T.và trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh trên số tiền còn thiếu cho đến khi thanh toán xong đối với ông L.K.H. là sự tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về không yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của vợ chồng đối với bà N.T.T.và không yêu cầu ông L.K.H. trả tiền lãi trên số tiền còn thiếu cho đến khi thanh toán xong.

Xét yêu cầu trả số tiền còn thiếu của ông H.Đ.X., Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo sự thừa nhận của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định ông L.K.H. có thiếu nguyên đơn số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) được ghi nhận tại Giấy hẹn đề ngày 04/4/2017, và khẳng định lại tại Giấy biên nhận nợ tiền đề ngày 31/7/2017 nhưng không trả . Xét đến ngày xét xử, ông L.K.H. chỉ trả cho nguyên đơn làm bốn lần với số tiền tổng cộng là

20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, nên ông L.K.H. phải có trách nhiệm thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận. Đồng thời, tại phiên tòa và sự thừa nhận của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, xác định số tiền mà ông L.K.H. hứa trả là tài sản chung của vợ chồng ông H.Đ.X. và bà P.T.H.. Xét tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn thiếu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) nên từ những phân tích trên, có đủ cơ sở chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L.K.H. có trách nhiệm trả cho ông H.Đ.X. và bà P.T.H. làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[4] Về án phí:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bị đơn ông L.K.H. phải chịu án phí là 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông H.Đ.X. về việc không yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của vợ chồng đối với bà N.T.T.và không yêu cầu ông L.K.H. trả tiền lãi trên số tiền còn thiếu cho đến khi thanh toán xong.

2. Chấp nhận một phần khởi kiện của ông H.Đ.X..

Ông L.K.H. có trách nhiệm trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho ông H.Đ.X. và bà P.T.H. số tiền còn thiếu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Án phí sơ thẩm:

3.1. Án phí dân sự đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) ông L.K.H. phải chịu.

3.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí mà ông H.Đ.X. đã nộp theo Biên lai số 0002462 ngày 13/7/2017 là 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) và Biên lai số 0004506 ngày 10/5/2018 là 187.500 đồng (Một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân